

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 261/2020/TLST- HNGĐ, ngày 26/5/2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HN, ngày 08/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HN, ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ xác lập hôn nhân năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân, chị và anh Đ có quen nhau trước khoảng 01 năm rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới đã bán

hết không còn. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng cùng làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình mà uống rượu thường xuyên dẫn đến nghiện rượu, không tìm kiếm việc làm, từ đó dẫn đến cãi vã, gây gổ bất hòa với nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, sự việc kéo dài đến năm 2015, anh Đ bỏ về quê tại xã V, huyện C sống cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc với nhau, nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con tên:* Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005, đang sống với chị, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án, anh Đ vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005, vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 15/6/2020, Nguyễn Thành C trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Anh Đ và chị H xác lập hôn nhân năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn

- Anh Đ và chị H chung sống sinh 01 người con tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005. Anh Đ đồng ý giao con cho chị H được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Chị H đồng ý nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh Đ và chị H không tranh chấp, không khởi kiện.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất với nhau: Là không có.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ, giao con tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005 cho chị H được quyền nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản

chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc chị H nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Đ là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh Đ vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị H khởi kiện anh Đ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị H và anh Đ xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2008, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị H khai: Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng cùng làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình mà uống rượu thường xuyên dẫn đến nghiện rượu, không tìm kiếm việc làm, từ đó dẫn đến cãi vã, gây gổ bất hòa với nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, sự việc kéo dài đến năm 2015, anh Đ bỏ về quê tại xã V, huyện C sống cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc với nhau, nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đề ngày 24/6/2020 anh Đ khai: Sau ngày cưới vợ chồng đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2012, chị H đi lao động ở nước Nga với thời hạn 03 năm, khi chị H trở về nước, anh cùng con đến thành phố Hồ Chí Minh chung sống khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, lý do khi anh chở vợ (*chị H*) đi chơi cùng bạn của chị H thì chị H nói nếu có ai hỏi anh (Đức) là ai thì trả lời là bạn của Hòa, không phải là chồng. Từ đó anh mất niềm tin với chị H, do chị H không tôn trọng và không muốn chung sống với anh, nên anh mới trở về quê sống từ năm 2015 đến nay, mạnh ai nấy sống, chấm dứt mọi liên lạc, không còn quan tâm nhau, nên tình cảm không còn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra, chị H và anh Đ đều bỏ mặt, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, đã ly thân từ năm 2015 đến nay gần 06 năm, anh Đ và chị H không liên lạc với nhau để trao đổi hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng, căn cứ vào các biên bản ghi lời khai thì chị H và anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đều có nguyện vọng được xin ly hôn với nhau.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị H và anh Đ chung sống sinh 01 người con tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005. Trong thời gian ly thân khoảng 06 năm, cháu Công sống với chị H và được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị H xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp ý kiến của anh Đ thể hiện qua biên bản lấy lời khai đề ngày 24/6/2020, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Công xin được sống với chị H. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005 cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị H và anh Đ không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Trần Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/4/2005, khi ly hôn.

+ Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008601, ngày 20/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Trần Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm